

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
TỔ CÔNG TÁC LIÊN NGÀNH
(Theo Quyết định số 875/QĐ-
UBND ngày 21/9/2015 và 1525/QĐ-
UBND ngày 9/12/2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên Phủ, ngày 28 tháng 2 năm 2018

Số: 245 /TTr-TCTLN

TỜ TRÌNH

Đề nghị phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: Xây dựng điểm tái định cư dọc trục đường 60m phường Him Lam, phục vụ giải phóng mặt bằng hạng mục bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từu thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ dân phố 12, tổ dân phố 16 phường Him Lam (đợt 3)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Điện Biên Phủ phê duyệt điều chỉnh bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: Xây dựng điểm tái định cư dọc trục đường 60m phường Him Lam, phục vụ giải phóng mặt bằng hạng mục bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từu thị trấn huyện Điện Biên); cụ thể như sau:

I. Căn cứ

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Thủ tướng Chính phủ về quy định thu tiền sử dụng đất.

Căn cứ Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành qui định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La; Quyết định số 141/2007/QĐ-TTg ngày 24/8/2007, Quyết định số 31/2008/QĐ-TTg ngày 25/2/2008, Quyết định số 72/2009/QĐ-TTg ngày 04/5/2009, Quyết định số 43/2011/QĐ-TTg ngày 10/8/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều về bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 246/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2008, Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 11/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung Điều 1 Quyết định số 246/QĐ-TTg

ngày 29 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế đặc thù về thu hồi đất; giao đất ở đất sản xuất nông nghiệp cho các hộ tái định cư Dự án thủy điện Sơn La; Quyết định số 06/2007/QĐ-UBND ngày 22/6/2007 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành qui định cụ thể một số điều về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án thủy điện Sơn La ban hành kèm theo Quyết định số 02/2007/QĐ-TTg ngày 09/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 07/2008/QĐ-UBND ngày 17/4/2008, Quyết định số 17/2008/QĐ-UBND ngày 09/12/2008, Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 11/9/2009, Quyết định 03/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011, Quyết định số 08/2011/QĐ-UBND ngày 19/04/2011, Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 27/3/2010 của UBND tỉnh Điện Biên về quy định một số nội dung và sửa đổi một số điều của các Quyết định của UBND tỉnh về quy định bồi thường, hỗ trợ tái định cư thủy điện Sơn La áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính quy định hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành bảng đơn giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; Biên bản làm việc liên ngành thống nhất giá đất ở trung bình để tính hỗ trợ đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường khi nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án đường 60m và Dự án Hạ tầng kỹ thuật khung trên địa bàn phường Him Lam và phường Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ ngày 07/3/2017.

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, cây trồng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2014 của UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quy định hạn mức giao đất, công nhận QSD đất; diện tích tối thiểu được phép tách thửa và mức đất xây dựng phần mộ, tượng đài, bia tưởng niệm trong nghĩa trang, nghĩa địa trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015 của UBND tỉnh Điện Biên và Quyết định số 164/QĐ-STNMT ngày 04/11/2016 về việc thành lập Tổ công tác liên ngành về bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư các dự án thành phần thuộc dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 của UBND tỉnh Điện Biên bổ sung thành viên và nhiệm vụ cho Tổ công tác liên ngành về bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư dự án thành phần thuộc dự án di dân, tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn tỉnh Điện Biên (sau

đây gọi là Tổ công tác).

Căn cứ Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của UBND thành phố Điện Biên Phủ về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng điểm tái định cư dọc trục đường 60m phường Him Lam, phục vụ giải phóng mặt bằng hạng mục bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từ thị trấn huyện Điện Biên); Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành bổ sung một số chính sách đặc thù đối với các dự án thành phần thuộc Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ;

Căn cứ thông báo số 43-TB/TU ngày 17/12/2017 của Ban thường vụ tỉnh ủy về nội dung cuộc họp ngày 12/12/2015 và Báo cáo số 133/BC-BCS ngày 13/6/2016 của Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo tình hình triển khai thực hiện Dự án đầu tư bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từ thị trấn huyện Điện Biên) và Dự án hạ tầng kỹ thuật khung khu trụ sở cơ quan, khu công cộng, khu thương mại dịch vụ dọc trục đường 60; Thông báo số 27/TB-UBND ngày 15/6/2017 của UBND tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Tờ trình số 63/TTr-TTPTQĐ ngày 31/8/2018 của Trung Tâm phát triển quỹ đất về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Điểm tái định cư dọc trục đường 60m, phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên địa phận tổ 12+16.

Căn cứ Biên bản thống nhất nội dung lập tính, toán phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: Xây dựng điểm tái định cư dọc trục đường 60m phường Him Lam, phục vụ giải phóng mặt bằng hạng mục bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từ thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 12, 16 phường Him Lam, đợt 3, ngày tháng năm 2018,

II. Nội dung trình

1. Tên phương án: Điều chỉnh bổ sung phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người sử dụng đất và các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng công trình: Xây dựng điểm tái định cư dọc trục đường 60m phường Him Lam, phục vụ giải phóng mặt bằng hạng mục bổ sung đoạn tuyến Đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến khu TĐC Noong Bua vào dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường vành đai II (Nối tiếp khu TĐC Noong Bua thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từ thị trấn huyện Điện Biên) trên địa bàn tổ 12, 16 phường Him Lam, đợt 3.

2. Địa điểm thực hiện: phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ.

3. Thời gian thực hiện: Từ tháng 8 năm 2016 đến khi hoàn thành.

4. Nội dung và quy mô: Bồi thường thiệt hại về đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ bị thiệt hại, ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất.

5. Tổng giá trị điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ là: 74.684.668 đồng
(*Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu sáu trăm tám tư nghìn sáu trăm sáu tám đồng*)

Trong đó:

- Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về đất:	7.316.600	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc:	6.161.471	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung bồi thường, hỗ trợ về cây trồng:	59.567.804	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung hỗ trợ:	31.100	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung tổ chức thực hiện:	1.461.540	đồng
- Kinh phí điều chỉnh bổ sung dự phòng cưỡng chế	146.154	đồng

(*Có biểu chi tiết kèm theo*)

6. Nguồn vốn chi trả phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư

Kinh phí tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được sử dụng từ nguồn vốn tại Quyết định số 232/QĐ-UBND ngày 03/3/2016 của UBND thành phố Điện Biên Phủ.

7. Tổ chức thực hiện

a) Ban Quản lý dự án thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm.

Phối hợp với đại diện chủ đầu tư, căn cứ phương án, dự toán kinh phí được phê duyệt, chứng từ liên quan thực hiện chi trả, quyết toán kinh phí bồi thường hỗ trợ, tái định cư cụ thể như sau:

+ Chi trả cho các đối tượng trong phương án các khoản tiền: Bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản vật kiến trúc, cây trồng vật nuôi và các khoản hỗ trợ

+ Thanh toán các khoản chi phí tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho Tổ công tác liên ngành theo Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2015; Quyết định số 164/QĐ-STNMT ngày 04/11/2016; Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 9/12/2016 và các chi phí khác có liên quan đến việc tổ chức thực hiện về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc dự án;

+ Tập hợp các chứng từ chi phí thực tế có liên quan lập báo cáo quyết toán gửi cơ quan Tài chính phê duyệt quyết toán theo quy định hiện hành.

+ Chuyển tiền chi phí tổ chức thực hiện cho Trung tâm phát triển quỹ đất theo tiến độ thực hiện.

b) Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư,

thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí tái định cư và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Thu Giấy chứng nhận đã cấp (nếu có) cho người sử dụng đất bị thu hồi chuyển cho Văn phòng đăng ký đất đai để chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng;

c) Ủy ban nhân dân phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ có trách nhiệm.

- Phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành.

- Tổ chức vận động, thuyết phục để người có đất thu hồi thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Tổ trưởng Tổ công tác liên ngành trình Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phòng TNMT TP;
- TTPTQĐ; CN TTPTQĐ TP;
- Lưu: VT, TCT.

**KT. TỔ TRƯỞNG
TỔ PHÓ**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Ngôn Ngọc Khuê**

BIỂU A: TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐIỂM TĐC DỌC TRỰC ĐƯỜNG 60M PHƯỜNG HIM LAM, PHỤC VỤ GPMB HẠNG MỤC BỔ SUNG ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG VÕ NGUYỄN GIÁP ĐẾN KHU TĐC NOONG BUA VÀO DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NỐI TIẾP KHU TĐC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VỚI KHU TĐC PỬ TỬU THỊ TRẦN HUYỆN ĐIỆN BIÊN) TRÊN ĐỊA BÀN TỔ 12, 16 PHƯỜNG HIM LAM

(Kèm theo Tờ trình số: 245 /TTr-TCTLN ngày 28/9 /2018 của Tổ công tác liên ngành)

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên	Diện Tích thẩm định m2	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tài sản VKT	Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi	Kinh phí hỗ trợ	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
1	Nguyễn Đình Hoan - Nguyễn Thị Phương	11,6	-31.807.200	-771.585	0	0	-32.578.785
14	Lê Quang Hòa - Phạm Thùy Châu	31,1	39.123.800	6.684.288	0	31.100	45.839.188
21	Lê Văn Sen - Chu Thị Lương				24.370.087		24.370.087
22	Bùi Thị Dung - Đỗ Hưng Thuận			248.768	16.649.817		16.898.585
23	Lê Thị Soi				1.035.500		1.035.500
24	Hoàng Văn Vinh - Trần Thị Điệp				6.148.400		6.148.400
25	Nguyễn Thị Giang - Phạm Minh Nguyễn				4.044.000		4.044.000
26	Phạm Văn Tiến - Đỗ Thị Thu				7.320.000		7.320.000
	Tổng	42,7	7.316.600	6.161.471	59.567.804	31.100	73.076.975

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất	7.316.600
Kinh phí bồi thường, hỗ trợ tài sản VKT	6.161.471
Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi	59.567.804
Kinh phí hỗ trợ	31.100
Kinh phí tổ chức thực hiện:	1.461.540
Kinh phí dự phòng tổ chức cưỡng chế:	146.154
Tổng cộng:	74.684.668

Bằng chữ: Bảy mươi tư triệu sáu trăm tám tư nghìn sáu trăm sáu tám đồng

BIỂU 01: ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ VỀ ĐẤT DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐIỂM TĐC ĐỌC TRỰC ĐƯỜNG 60M PHƯỜNG HIM LAM, PHỤC VỤ GPMB HẠNG MỤC BỔ SUNG ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG NÓI TỪ ĐƯỜNG VÕ NGUYÊN GIÁP ĐẾN KHU TĐC NOONG BUA VÀO DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NÓI TIẾP KHU TĐC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VỚI KHU TĐC PỨ TỬU THỊ TRẦN HUYỆN ĐIỆN BIÊN) TRÊN ĐỊA BÀN TỎ 12, 16 PHƯỜNG HIM LAM

(Kèm theo Tờ trình số: 45 /TTr-TCTLN ngày 28/ 9 /2018 của Tổ công tác liên ngành)

Tờ trình số 117/TTr-TCTLN ngày 21/5/2018 của Tổ công tác liên ngành						Kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác						Chênh lệch
TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	TT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Nguyễn Đình Hoan, Nguyễn Thị Phương				46.400.000	1	Nguyễn Đình Hoan, Nguyễn Thị Phương				14.592.800	-31.807.200
a	Bồi thường, hỗ trợ về đất: Đường Tô Vĩnh Diện đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Đổi diện cây xăng công an tỉnh) đến ngã ba (hết đất số nhà 38 đổi diện bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 49)		11,6		46.400.000		Bồi thường, hỗ trợ về đất: Đường Tô Vĩnh Diện đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Đổi diện cây xăng công an tỉnh) đến ngã ba (hết đất số nhà 38 đổi diện bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 49)		11,6		14.592.800	-31.807.200
	Bồi thường đất ở vị trí 1	m2	11,6	4.000.000	46.400.000		Bồi thường đất trồng cây hàng năm	m2	11,6	58.000	672.800	-45.727.200
							Hỗ trợ 30% giá đất ở liền kề	m2	11,6	1.200.000	13.920.000	13.920.000
						14	Lê Quang Hòa - Phạm Thùy Châu				39.123.800	39.123.800

Tờ trình số 117/TTr-TCTLN ngày 21/5/2018 của Tổ công tác liên ngành						Kết quả thẩm định điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác						Chênh lệch
TT	Họ và tên	Dvt	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	TT	Họ và tên	DVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						a	Bồi thường, hỗ trợ về đất: Đường Tô Vĩnh Diện đoạn từ ngã ba tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp (Đổi diện cây xăng công an tỉnh) đến ngã ba (hết đất số nhà 38 đối diện bên kia đường tiếp giáp đất số nhà 49)		31,1		39.123.800	39.123.800
							Bồi thường đất trồng cây hàng năm	m2	31,1	58.000	1.803.800	1.803.800
							Hỗ trợ 30% giá đất ở liền kề	m2	31,1	1.200.000	37.320.000	37.320.000
	Tổng cộng				46.400.000						53.716.600	7.316.600

BIỂU 2: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÂY CỎI HOA MÀU ĐỰNG ÁN XÂY DỰNG ĐIỂM TỐC ĐỌC TRỰC ĐƯỜNG 60M PHƯỜNG HIM LAM, PHỤC VỤ GPMB HẠNG MỤC BỔ SUNG ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG NÓI TỪ ĐƯỜNG VÕ NGUYÊN GIÁP ĐẾN KHU TỐC NOONG BUA VÀO ĐỰNG ÁN ĐTXĐ CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NÓI TIẾP KHU TỐC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VỚI KHU TỐC PÚ TỬU THỊ TRẦN HUYỆN ĐIỆN BIÊN) TRÊN ĐỊA BÀN TỐ 12, 16 PHƯỜNG HIM LAM

(Kèm theo Tờ trình số: 245/TTr-TCTLN ngày 28/9/2018 của Tổ công tác liên ngành)

Tờ trình số 186/TTr-TCTLN ngày 26/6/2017 của Tổ công tác liên ngành						Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung						Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung
TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	TT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
14	Lê Quang Hòa - Phạm Thùy Châu				5.740.960	14	Lê Quang Hòa - Phạm Thùy Châu				5.740.960	0
c	Cây trồng, vật nuôi				5.740.960	c	Cây trồng, vật nuôi				5.740.960	0
	Cây mít đk tán: 4m x 1 cây	kg	50,2	14.000	703.360		Cây mít đk tán: 4m x 1 cây	kg	50,2	14.000	703.360	0
	Chuối có buồng trên > 15 kg	cây	8,0	120.000	960.000		Chuối có buồng trên > 15 kg	cây	8,0	120.000	960.000	0
	Chuối cao trên 1m	cây	50,0	60.000	3.000.000		Chuối cao trên 1m	cây	50,0	60.000	3.000.000	0
	Chuối nhỏ	cây	70,0	12.000	840.000		Chuối nhỏ	cây	70,0	12.000	840.000	0
	Cây xoài trồng 3 năm	cây	1,0	118.800	118.800		Cây xoài trồng 3 năm	cây	1,0	118.800	118.800	0
	Cây me trồng 3 năm	cây	1,0	118.800	118.800		Cây me trồng 3 năm	cây	1,0	118.800	118.800	0
21	Lê Văn Sen - Chu Thị Lương					21	Lê Văn Sen - Chu Thị Lương				24.370.087	24.370.087
						c	Cây trồng, vật nuôi (trên đất UBND phường)				24.370.087	24.370.087
							Cây ăn quả nhóm II trồng 3 năm (vải, nhãn, xoài)	cây	32,0	118.800	3.801.600	3.801.600
							Cây ăn quả nhóm I trồng 3 năm (bưởi, mít)	cây	17,0	97.200	1.652.400	1.652.400
							Cây lấy gỗ thường đk thân > 30cm	cây	3,0	135.000	405.000	405.000
							Cây lấy gỗ thường đk thân 10-15cm	cây	2,0	68.000	136.000	136.000
							Chuối có buồng > 15 kg	cây	7,0	120.000	840.000	840.000
							Chuối có buồng < 15 kg	cây	4,0	96.000	384.000	384.000
							Chuối cao trên 1m chưa buồng	cây	32,0	60.000	1.920.000	1.920.000
							Chuối nhỏ cao dưới 1m	cây	11,0	12.000	132.000	132.000
							Đu đủ chưa quả	cây	3,0	45.600	136.800	136.800
							Xoài đk tán 3m x 1 cây	kg	35,3	12.000	423.900	423.900
							Đu đủ có quả	cây	3,0	120.000	360.000	360.000

Tờ trình số 186/TTr-TCTLN ngày 26/6/2017 của Tổ công tác liên ngành						Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung						Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung
TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	TT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Xoài đk tán 3,6m x 3 cây	kg	152,6	12.000	1.831.248	1.831.248
							Xoài đk tán 2,8m x 4 cây	kg	123,1	12.000	1.477.056	1.477.056
							Xoài đk tán 2,4m x 2 cây	kg	45,2	12.000	542.592	542.592
							Ôi đk tán 3m x 1 cây	kg	28,3	10.000	282.600	282.600
							Vải trồng 4 năm	cây	2,0	162.000	324.000	324.000
							Mít đk tán 3m x 4 cây	quả	113,0	14.000	1.582.560	1.582.560
							Mít đk tán 3,2m x 3 cây	quả	96,5	14.000	1.350.451	1.350.451
							Mít đk tán 2m x 2 cây	quả	25,1	14.000	351.680	351.680
							Măng cầu đk tán 3m x 3 cây	kg	84,8	10.000	847.800	847.800
							Măng cầu đk tán 2m x 3 cây	kg	37,7	10.000	376.800	376.800
							Tre đk thân 10cm	cây	25,0	54.000	1.350.000	1.350.000
							Chuối có buồng < 15kg	cây	15,0	96.000	1.440.000	1.440.000
							Chuối cao trên 1m chưa buồng	cây	30,0	60.000	1.800.000	1.800.000
							Chuối nhỏ cao dưới 1m	cây	18,0	12.000	216.000	216.000
							Sắn dây cho thu hoạch	khóm	3,0	60.000	180.000	180.000
							Thanh long chưa quả	khóm	2,0	60.000	120.000	120.000
							Cây thuốc nam cho thu hoạch (1 x 2)m	m2	2,0	21.600	43.200	43.200
							Vườn rau các loại (2 x 2)m	m2	4,0	15.600	62.400	62.400
22	Bùi Thị Dung - Đỗ Hưng Thuận					22	Bùi Thị Dung - Đỗ Hưng Thuận				16.649.817	16.649.817
						c	Cây trồng, vật nuôi (trên đất UBND phường)				16.649.817	16.649.817
							Nhãn đk tán 6m x 1 cây	kg	113,0	16.000	1.808.640	1.808.640
							Nhãn đk tán 3,2m x 1 cây	kg	32,2	16.000	514.458	514.458
							Nhãn đk tán 2,4m x 2 cây	kg	36,2	16.000	578.765	578.765
							Mít đk tán 5,2m x 1 cây	quả	84,9	14.000	1.188.678	1.188.678
							Xoài đk tán 2,2m x 1 cây	kg	19,0	12.000	227.964	227.964

Tờ trình số 186/TTTr-TCTLN ngày 26/6/2017 của Tổ công tác liên ngành						Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung						Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung
TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	TT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Vú sữa đk tán 4,2m x 1 cây	kg	55,4	20.000	1.107.792	1.107.792
							Chuối cao trên 1m chưa buồng	cây	21,0	60.000	1.260.000	1.260.000
							Chuối nhỏ cao dưới 1m	cây	17,0	12.000	204.000	204.000
							Đu đủ có quả	cây	1,0	120.000	120.000	120.000
							Đào trồng đất loại to	cây	1,0	67.500	67.500	67.500
							Mây trồng trên 5 năm	khóm	5,0	81.000	405.000	405.000
							Cây lấy gỗ thường đk thân 7-10cm	cây	7,0	41.000	287.000	287.000
							Cây lấy gỗ thường đk thân 10-15cm	cây	7,0	68.000	476.000	476.000
							Cây ăn quả nhóm II trồng 2 năm (vải, nhãn, mít)	cây	7,0	81.000	567.000	567.000
							Vườn rau (3 x 4)m	m2	12,0	15.600	187.200	187.200
							Gùng (1 x 2)m	m2	2,0	21.600	43.200	43.200
							Vườn rau (2 x 5)m + (15 x 10)m	m2	160,0	15.600	2.496.000	2.496.000
							Nhãn đk tán 3m x 1 cây	kg	28,3	16.000	452.160	452.160
							Chuối có buồng < 15 kg	cây	2,0	96.000	192.000	192.000
							Ổi đk tán 4m x 1 cây	kg	50,2	10.000	502.400	502.400
							Quất cánh trồng đất loại to	cây	1,0	67.500	67.500	67.500
							Bầu cho thu hoạch	khóm	1,0	60.000	60.000	60.000
							Chuối có buồng > 15 kg	cây	12,0	120.000	1.440.000	1.440.000
							Chuối có buồng < 15 kg	cây	15,0	96.000	1.440.000	1.440.000
							Chuối nhỏ cao dưới 1m		13,0	12.000	156.000	156.000
							<i>Cây thuộc bà Hào</i>	kg			-	-
							Nhãn đk tán 3m x 1 cây	kg	28,3	16.000	452.160	452.160
							Dâu đk tán 2m x 2 cây	kg	25,1	10.000	251.200	251.200
							Bưởi triết trồng 3 năm	cây	1,0	97.200	97.200	97.200
23	Lê Thị Soi					23	Lê Thị Soi				1.035.500	1.035.500

Tờ trình số 186/TTr-TCTLN ngày 26/6/2017 của Tổ công tác liên ngành						Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung						Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung
TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	TT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						c	<i>Cây trồng, vật nuôi (trên đất UBND phường)</i>				1.035.500	1.035.500
							Vườn rau tổng hợp (4,5 x 3,3)m	m2	14,9	15.600	231.660	231.660
							Nhân đk tán 4m x 1 cây	kg	50,2	16.000	803.840	803.840
24	Hoàng Văn Vinh - Trần Thị Diệp					24	Hoàng Văn Vinh - Trần Thị Diệp				6.148.400	6.148.400
						c	<i>Cây trồng, vật nuôi (trên đất UBND phường)</i>				6.148.400	6.148.400
							Cây lấy gỗ đk thân > 30cm	cây	2,0	135.000	270.000	270.000
							Cây lấy gỗ đk thân 10-15cm	cây	1,0	68.000	68.000	68.000
							Chuối có buồng > 15 kg	cây	7,0	120.000	840.000	840.000
							Chuối cao trên 1m chưa buồng	cây	30,0	60.000	1.800.000	1.800.000
							Chuối nhỏ cao dưới 1m	cây	13,0	12.000	156.000	156.000
							Xoài đk tán 8m x 1 cây	kg	251,2	12.000	3.014.400	3.014.400
25	Nguyễn Thị Giang - Phạm Minh Nguyên					25	Nguyễn Thị Giang - Phạm Minh Nguyên				4.044.000	4.044.000
						c	<i>Cây trồng, vật nuôi (trên đất UBND phường)</i>				4.044.000	4.044.000
							Chuối có buồng < 15 kg	cây	14,0	96.000	1.344.000	1.344.000
							Chuối cao trên 1m chưa buồng	cây	41,0	60.000	2.460.000	2.460.000
							Chuối nhỏ cao dưới 1m	cây	20,0	12.000	240.000	240.000
26	Phạm Văn Tiến - Đỗ Thị Thu					26	Phạm Văn Tiến - Đỗ Thị Thu				7.320.000	7.320.000
						c	<i>Cây trồng, vật nuôi (trên đất UBND phường)</i>				7.320.000	7.320.000
							Chuối có buồng < 15 kg	cây	4,0	96.000	384.000	384.000
							Chuối cao trên 1m chưa buồng	cây	95,0	60.000	5.700.000	5.700.000
							Chuối nhỏ cao dưới 1m	cây	22,0	12.000	264.000	264.000
							Cây ăn quả nhóm II trồng 4 năm (nhãn)	cây	6,0	162.000	972.000	972.000
	Tổng cộng				5.740.960		Tổng cộng				65.308.764	59.567.804

BIỂU 3: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG HỖ TRỢ ÁN XÂY DỰNG ĐIỂM TẠC ĐỌC TRỤC ĐƯỜNG 60M PHƯỜNG HIM LAM, PHỤC VỤ GPMB HẠNG MỤC BỔ SUNG ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG NỘI TỪ ĐƯỜNG VÕ NGUYỄN GIÁP ĐẾN KHU TẠC NOONG BUA VÀO DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NỐI TIẾP KHU TẠC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VỚI KHU TẠC PÚ TỬU THỊ TRÁN HUYỆN ĐIỆN BIÊN) TRÊN ĐỊA BÀN TỐ 12, 16 PHƯỜNG HIM LAM

(Kèm theo Tờ trình số: 245 /TTr-TCTLN ngày 28 / 9 /2018 của Tổ công tác liên ngành)

Tờ trình số 186/TTr-TCTLN ngày 26/6/2017 của Tổ công tác liên ngành						Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung						Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung
TT	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	TT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	Nguyễn Đình Hoan, Nguyễn Thị Phương				11.600	1	Nguyễn Đình Hoan, Nguyễn Thị Phương				11.600	0
<i>d</i>	<i>Chế độ hỗ trợ</i>				<i>11.600</i>		<i>Chế độ hỗ trợ</i>				<i>11.600</i>	<i>0</i>
	Hỗ trợ sản xuất	m2	11,6	1.000	11.600		Hỗ trợ sản xuất	m2	11,6	1.000	11.600	0
14	Lê Quang Hòa - Phạm Thùy Châu					14	Lê Quang Hòa - Phạm Thùy Châu				31.100	31.100
<i>d</i>	<i>Chế độ hỗ trợ</i>					<i>d</i>	<i>Chế độ hỗ trợ</i>				<i>31.100</i>	<i>31.100</i>
							Hỗ trợ sản xuất	m2	31,1	1.000	31.100	31.100
	Tổng cộng				0		Tổng cộng				42.700	31.100

BIỂU 4: ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TÀI SẢN VKT DỰ ÁN XÂY DỰNG ĐIỂM TỐC DỌC TRỤC ĐƯỜNG 60M PHƯỜNG HIM LAM, PHỤC VỤ GPMB HẠNG MỤC BỔ SUNG ĐOẠN TUYẾN ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG VÕ NGUYỄN GIÁP ĐẾN KHU TỐC NOONG BUA VÀO DỰ ÁN ĐTXD CÔNG TRÌNH: ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II (NỐI TIẾP KHU TỐC NOONG BUA THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ VỚI KHU TỐC PÚ TỪU THỊ TRẦN HUYỆN ĐIỆN BIÊN) TRÊN ĐỊA BÀN TỎ 12, 16 PHƯỜNG HIM LAM

(Kèm theo Tờ trình số: 245/TTr-TCTLN ngày 28/ 9 /2018 của Tổ công tác liên ngành)

Tờ trình số 117/TTr-TCTLN ngày 21/5/2018 của Tổ công tác liên ngành							Tổ công tác thẩm định điều chỉnh, bổ sung							Số tiền đề nghị điều chỉnh, bổ sung
T	Họ và tên	Đvt	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	TT	Họ và tên	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Mức BT	Thành tiền	
1	Nguyễn Đình Hoan, Nguyễn Thị Phương					3.857.925	1	Nguyễn Đình Hoan, Nguyễn Thị Phương					3.086.340	-771.585
<i>b</i>	<i>Tài sản - vật kiến trúc</i>					3.857.925		<i>Tài sản - vật kiến trúc</i>					3.086.340	-771.585
	Lưới B40 làm hàng rào (1,9kg/m2): 26,8 x 1,5m	kg	76,4	16.750	100%	1.279.365		Lưới B40 làm hàng rào (1,9kg/m2): 26,8 x 1,5m	kg	76,4	16.750	80%	1.023.492	-255.873
	Cánh cổng khung sắt lưới B40: 3 x 1,7m	m2	5,1	100.000	100%	510.000		Cánh cổng khung sắt lưới B40: 3 x 1,7m	m2	5,1	100.000	80%	408.000	-102.000
	Kè xây chân tường rào(kè đá): 0,5 x 1,5 x 6m	m3	4,5	459.680	100%	2.068.560		Kè xây chân tường rào(kè đá): 0,5 x 1,5 x 6m		4,5	459.680	80%	1.654.848	-413.712
14	Lê Quang Hòa - Phạm Thùy Châu						14	Lê Quang Hòa - Phạm Thùy Châu					6.684.288	6.684.288
							<i>b</i>	<i>Tài sản - vật kiến trúc</i>					6.684.288	6.684.288
								Tường xây 20 chân đất (cá móng): 4 x 3m	m2	12,0	432.640	80%	4.153.344	4.153.344
								Tường xây 10 bờ trụ: 3 x 2m	m2	6,0	283.920	80%	1.362.816	1.362.816
								Hố ga xây tường 10 không nắp: 1,2 x 1,2 x 1,5m	m3	2,2	676.000	80%	1.168.128	1.168.128
22	Bùi Thị Dung - Đỗ Hưng Thuận						22	Bùi Thị Dung - Đỗ Hưng Thuận					248.768	248.768
							<i>b</i>	<i>Tài sản - vật kiến trúc trên đất UBND phường</i>					248.768	248.768
								Hàng rào tre	m	29,0	6.760	80%	156.832	156.832
								Hàng rào tre	m	17,0	6.760	80%	91.936	91.936
	Tổng cộng					3.857.925		Tổng cộng					10.019.396	6.161.471

BIỂU 5: DỰ TOÁN DỰ ÁN: ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ DỌC TRỤC ĐƯỜNG 60M, PHƯỜNG HIM LAM, THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN. ĐỊA PHẬN TỔ DÂN PHỐ 12 VÀ TỔ DÂN PHỐ 16 PHƯỜNG HIM LAM.

(Kèm theo Tờ trình số: 245/TTr-TCTLN ngày 28/ 9 /2018 của Tổ công tác liên ngành)

Dvt: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN
A	Tổng kinh phí tổ chức thực hiện	1.461.540
I	Kinh phí phê duyệt phương án (2%)	29.231
II	Kinh phí cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường (70%)	1.023.078
1	Chi tuyên truyền các chính sách, chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức vận động các đối tượng liên quan thực hiện quyết định thu hồi đất	
2	Chi kiểm kê, đánh giá đất đai, tài sản thực tế bị thiệt hại gồm: phát tờ khai, hướng dẫn người bị thiệt hại kê khai; đo đạc xác định diện tích đất, kiểm kê số lượng và giá trị nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của từng tổ chức, hộ gia đình, cá nhân; kiểm tra, đối chiếu giữa tờ khai với kết quả kiểm kê, xác định mức độ thiệt hại với từng đối tượng bị thu hồi đất cụ thể; tính toán giá trị thiệt hại về đất đai, nhà, công trình, cây trồng, vật nuôi và tài sản khác	
3	Chi lập, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	
4	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;	
5	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.	
III	Kinh phí cho Tổ công tác của tỉnh (28%)	409.231
1	Chi thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;	
2	Chi phục vụ việc kiểm tra, hướng dẫn thực hiện chính sách bồi thường, giải quyết những vướng mắc trong công tác bồi thường và tổ chức thực hiện chi trả bồi thường;	
3	Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm và xăng xe;	
4	Các nội dung chi khác có liên quan trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (thẩm định, giải quyết các vướng mắc phát sinh ...)	
IV	Kinh phí chuyển về Sở Tài chính để trả cho Hội đồng thẩm định giá đất	
B	Dự phòng cường chế kiểm đếm, cường chế thu hồi đất (10%)	146.154
C	TỔNG CỘNG	1.607.693